

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 227/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26/9/2025

V/v Tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Hứa Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Kim Vân và bà Nguyễn Thị Hòa

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên Tòa: Bà Phạm Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại Phòng xét xử số 01 Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 43/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 07 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 74/2025/QĐST – HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986. CCCD số do Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội cấp ngày 08/12/2021.

Bị đơn: Anh Phạm Văn T2, sinh năm 1985. CCCD số do Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội cấp ngày 05/5/2022.

Đều thường trú và nơi ở: Cụm 2, xã H, Thành phố Hà Nội.

(chị T có mặt, anh T2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cùng lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T2 tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện T, thành phố Hà

Nội (Nay là UBND xã H, Thành phố Hà Nội) và được cấp giấy chứng nhận Đăng ký kết hôn ngày 02/03/2007. Anh, chị sống chung thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do anh T2 nghiện cờ bạc dẫn T2 nợ nần, chị T đã nhiều lần cho cơ hội sửa sai nhưng anh T2 không chịu thay đổi. Hai vợ chồng đã pH bán nhà để trả nợ cho anh T2 từ tháng 01/2025 sau đó cả nhà pH thuê nhà bên ngoài để ở. Đến tháng 6/2025 do mâu thuẫn trầm trọng nên chị T đã về nhà mẹ đẻ, còn anh T2 ở nhà thuê. Trong thời gian chị T cùng các con về nhà mẹ đẻ sinh sống, anh T2 không qua lại thăm hỏi hay gặp gỡ các con lần nào. Hiện nay chị T là giáo viên mầm non tại Thôn D, xã H thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/ tháng; còn anh T2 làm công việc tự do từ lúc sống ly thân T2 nay chị T không nắm rõ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T2.

- Về con chung: Chị và anh T2 có 02 con chung là Phạm Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 07/10/2007 và Phạm Hoàng P, sinh ngày 24/8/2009. Hiện cả 02 con chung đang sinh sống cùng chị T, vợ chồng ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh T2 đóng góp nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Phạm Văn T2 vắng mặt tại phiên tòa và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhưng anh T2 đều vắng mặt, Tòa án cùng chính quyền địa phương đến gia đình nhưng anh T2 cố tình vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

* Theo bản tự khai cũng như lời trình bày tại phiên tòa của cháu Phạm Nguyễn Hoàng H và Phạm Hoàng P là 02 con chung của chị T và anh T2: Trong quá trình chung sống 02 cháu đều chứng kiến cảnh bố mẹ cãi chửi nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bố mẹ đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2025. Theo quan điểm của cháu H và cháu P thì bố mẹ không thể ở chung với nhau nữa, nay mẹ T ly hôn với bố T2, nguyện vọng của cả hai cháu xin được ở cùng với mẹ T.

* Theo lời khai của bà Phùng Thị Đông, sinh năm 1962 là mẹ đẻ của chị T: Về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn, lời khai của chị T là đúng, chị T và anh T2 lấy nhau là tự nguyện. Sau khi cưới, chị T về sinh sống với anh T2 được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh T2 không chịu làm ăn, cờ bạc lô đề dẫn đến vỡ nợ pH bán nhà. Gia đình bà Đông đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng không thành, giữa anh T2 và chị T thường xuyên va chạm đánh chửi nhau, việc mâu thuẫn có chính quyền và cụm dân cư đều biết. Đến tháng 6 năm 2025 do mâu thuẫn quá trầm trọng, chị T đã đưa cả hai

con về nhà xin ở cùng, cả gia đình bà Đông đều đồng ý và tạo điều kiện cho ba mẹ con chỗ ăn chỗ ở ổn định. Trong thời gian chị T cùng các con về nhà bà Đông sinh sống, anh T2 không qua lại thăm hỏi chị T hay gặp gỡ các con lần nào. Nay chị T xin ly hôn với anh T2, quan điểm của bà Đông là các cháu đã trưởng thành bà không can thiệp, là mẹ chỉ mong các cháu đoàn tụ, nếu hai cháu không đoàn tụ được mong Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị T và anh T2 có 02 con chung là Phạm Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 07/10/2007 và Phạm Hoàng P, sinh ngày 24/8/2009, hiện nay cả 02 con chung đều đang ở cùng chị T. Nay ly hôn, bà Đông đề nghị Tòa án xử giao cả hai con chung cho chị T nuôi dưỡng, gia đình bà Đông đồng ý tạo điều kiện về chỗ ở cũng như các điều kiện khác tốt nhất cho ba mẹ con chị T. Về các vấn đề khác không nắm được và không có ý kiến gì.

*Qua xác minh tại UBND xã H thể hiện: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn T2 đều có đăng ký thường trú tại địa bàn xã và hiện nay vẫn đang sinh sống tại địa phương. Anh chị lấy nhau là tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã năm 2007. Trong quá trình chung sống, anh T2 và chị T có nhiều mâu thuẫn phía gia đình và địa phương có biết và đã tổ chức hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung nhưng không thành. Từ tháng 6 năm 2025 chị T cùng hai con chung đã về nhà mẹ đẻ cùng thôn để sinh sống đến nay. Chị T và anh T2 có 02 con chung là Phạm Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 07/10/2007 và Phạm Hoàng P, sinh ngày 24/8/2009. Hiện chị T đang làm việc tại trường mầm non và có thu nhập ổn định. Nay chị T yêu cầu được ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, đồng thời xem xét các điều kiện để chị T được nuôi dưỡng con chung, đảm bảo quyền lợi cho 02 con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: Phía địa phương không nắm bắt được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên Tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định đúng và đầy đủ; Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền. Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định; Về thu thập chứng cứ đủ và đúng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử theo đúng trình tự; Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn anh Phạm Văn T2 chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T xử cho chị T được ly hôn anh T2. Anh T2 đã được triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T2.

Về con chung: Giao 02 con chung là Phạm Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 07/10/2007 và Phạm Hoàng P, sinh ngày 24/8/2009 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Tạm hoãn việc đóng góp nuôi con chung cho anh T2 đến khi có yêu cầu và anh T2 có quyền thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản;

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Không có, không yêu cầu giải quyết;

Về án phí: Chị T pH chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm;

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã D (Nay là UBND xã H) cùng lời trình bày của các đương sự tại bản khai và tại phiên tòa, có cơ sở để xác định đây là vụ án xin ly hôn. Bị đơn anh Phạm Văn T2 có hộ khẩu thường trú tại Cụm 2, xã H, Thành phố Hà Nội, theo quy định tại Điều 28,35,39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn T2 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/3/2007, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị T và anh T2 không có hạnh P, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T2 nghiện cờ bạc pH bán nhà trả nợ, chị T đã nhiều lần cho cơ hội nhưng anh T2 không chịu sửa đổi, dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2025 đến nay không còn quan hệ tình cảm và kinh tế. Tại phiên tòa, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ, chị đề nghị được ly hôn với anh T2. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục

đích hôn nhân không đạt, chị Nguyễn Thị T đề nghị được ly hôn là có căn cứ quy định tại Điều 51 và Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận đơn khởi kiện và yêu cầu của chị T xin ly hôn.

[3] Về con chung: Xét chị T có công việc thu nhập ổn định, gia đình bố mẹ để tạo điều kiện chỗ ở cho ba mẹ con sau khi ly hôn cùng nguyện vọng của hai con chung nên giao chị Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Phạm Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 07/10/2007 và Phạm Hoàng P, sinh ngày 24/8/2009 đến khi trưởng thành hoặc đến khi có thay đổi là phù hợp pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T2 đến khi có yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T pH chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51;56;58;81;82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 28,35,39,147,227,271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Phạm Văn T2.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn T2.

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Phạm Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 07/10/2007 và Phạm Hoàng P, sinh ngày 24/8/2009 đến khi trưởng thành hoặc đến khi có thay đổi. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T2 đến khi có yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T pH chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai BLTU/25E/0001312 ngày 22 tháng 07 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Hà Nội.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 11 – Hà Nội;
- Phòng THADS KV 11 – Hà Nội;
- UBND xã H;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Hứa Thị Hà

